

Số: 69/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1273/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đặng Xuân T, sinh năm 1963; địa chỉ: Nhà trọ D, đường D, tổ B, khu phố A, phường T, TP. H.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1971; địa chỉ: Số B đường N, phường T, TP. H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Đặng Xuân T và bà Đỗ Thị P.

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Đặng Xuân T và bà Đỗ Thị P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71 quyển số 01 ngày 14/11/1991 do Ủy ban nhân dân phường B, TP. H, tỉnh T. Nay là phường H, tỉnh T cấp cho ông Đặng Xuân T và bà Đỗ Thị P hết hiệu lực.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Minh Q, sinh năm 1992 và Đặng Phương N, sinh năm 2001 (Các con đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Đỗ Thị P phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông Đặng Xuân T được miễn nộp toàn bộ khoản tiền án phí 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) do ông T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành dân sự Khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

